

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 357/2025/DS-PT  
Ngày: 26/6/2025  
V/v tranh chấp chia thừa kế  
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Nước

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Tạng

Ông Sỹ Danh Đạt

**Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Tỉnh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4, ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2025/QĐXXPT-DS ngày 14/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2025/QĐPT-DS ngày 03/4/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 79/QĐPT-DS ngày 25/4/2025 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 315/TB-TA ngày 17/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Triệu Trọng Đ, sinh năm 1989;

Địa chỉ: số C đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1952;

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Huỳnh Kim T1, sinh năm 1966;

4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985;

5. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt tại phiên tòa ngày 25/4/2025 anh Triệu Trọng Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị P các đương sự còn lại vắng mặt. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa ngày 26/6/2025 có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C do ông Triệu Trọng Đ đại diện, trình bày:***

Cha mẹ ông C là cụ Nguyễn Văn B (sinh năm 1927 – chết năm 2021) và cụ Nguyễn Thị N1 (Ni) (sinh năm 1922 – chết năm 2016) có 04 người con gồm: Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn T. Trước năm 1975, cha mẹ ông C có tạo lập được 02 phần đất gồm:

Phần đất thổ cư 2.000m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 393, tờ bản đồ số 5, có 02 căn nhà, căn thứ nhất do ông T xây dựng, kết cấu khung bê tông cốt thép mái lợp tôn, nền lát gạch Ceramic, diện tích ngang khoảng 5m, dài 30m. Bên cạnh là căn nhà gỗ của cha mẹ ông C khung gỗ tạp, mái lợp ngói, nền gạch tàu, diện tích ngang 10m, dài 20m và phần đất phía sau 02 căn nhà là nền đất trống. Đối với phần đất này hiện nay do ông T quản lý và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất diện tích 1783,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 370, 1020 tờ bản đồ số 5, đất trồng cây lâu năm là phần đất trống, chưa được kê khai đăng ký do các hàng thừa kế của cụ B và cụ N2 chưa thỏa thuận được việc phân chia di sản thừa kế.

Cả hai phần đất trên đều do ông T đang quản lý sử dụng.

Sau khi cha mẹ ông C chết, ông C có yêu cầu ông T là người đang quản lý phần di sản thừa kế của cụ B và cụ N2 chia cho ông C một phần diện tích đất để làm nơi sinh sống và canh tác nhưng ông T không đồng ý.

Nay ông C yêu cầu chia phần di sản của cụ Nguyễn Văn B và cụ Nguyễn Thị N1 (Ni) để lại thành 04 phần, mỗi người con được hưởng một phần bằng nhau, gồm: Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn T. Cụ thể như sau:

Ông C yêu cầu được hưởng thừa kế phần đất phía sau nhà ông T có chiều ngang 10m, chiều dài 13,5m, diện tích 135,2m<sup>2</sup>, đất thuộc một phần thửa 393, 395 tờ bản đồ số 5, đất tại xã L. Đối với yêu cầu này trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã rút yêu cầu.

Phần đất trống diện tích 1783,8m<sup>2</sup> đã trừ đi phần đất mồ mã, thuộc thửa 370, 1020, tờ bản đồ số 5, ông C yêu cầu được chia làm 4 phần, ông C hưởng 01 phần đất giáp ông Tạ Văn L, chiều ngang 9,425m, chiều ngang 9,275m, chiều dài 49m, diện tích 457,3m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8, trở về M5, thuộc một phần thửa 335, tờ bản đồ số 5 (tương ứng một phần thửa 370, 1020, tờ bản đồ số 5, theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 14/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H) phần đất này ông T đang quản lý, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là em ruột của ông C, cha ông tên Nguyễn Văn B (chết năm 2021), mẹ tên Nguyễn Thị N1 (N3) (chết năm 2016). Cha mẹ ông có 04 người con: Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn T.

Phần đất thửa 370, khoảng 2000 m<sup>2</sup> ông C yêu cầu chia thừa kế là đất hương quả của ông bà nội để lại cho cha ông, cha ông chết để lại cho ông quản lý. Một phần đất này khoảng 500 m<sup>2</sup> là đất mồ mã để chôn cất những người thân tộc chết hoặc xóm giềng không có đất mồ mã thì xin đất chôn thì cho chôn, phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn một phần diện tích 1.454 m<sup>2</sup> thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 5 là cha mẹ ông khi còn sống đã làm hợp đồng tặng cho ông và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật, nên phần đất này không phải là di sản thừa kế cha mẹ để lại. Ông không thống nhất theo yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Văn C. Ngoài ra thì cha mẹ ông không còn phần đất nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày: Phần đất 2000 m<sup>2</sup> thuộc thửa 370, tờ bản đồ số 5, ông C yêu cầu chia thừa kế là đất

hương quả của ông bà nội bà để lại cho cha bà, cha bà chết để lại cho ông T quản lý. Một phần đất này khoảng 500 m<sup>2</sup> là đất mồ mã để chôn cất những người thân tộc chết hoặc xóm giềng không có đất xin đất chôn thì cho chôn, phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn một phần diện tích 1.454 m<sup>2</sup> thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 5, ông T là con út trong nhà, khi cha mẹ bà còn sống đã cho ông T và ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên phần đất này không phải là di sản thừa kế cha mẹ để lại. Bà không có tranh chấp hay yêu cầu chia thừa kế phần đất này. Nếu Tòa án có chia thừa kế thì bà từ chối nhận di sản, thống nhất giao phần được hưởng lại cho ông T. Ngoài phần đất này thì cha mẹ không còn phần đất nào khác.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn C1 trình bày:*** Ông là anh ruột của ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị P.

Cha ông tên Nguyễn Văn B, mẹ Nguyễn Thị N1 (Ni). Khi cha mẹ ông còn sống có chia phần đất ruộng cho mỗi anh chị em ông mỗi người một công đất ruộng. Đối với ông T là con út sống chung nhà với cha mẹ thì được chia 3 công đất ruộng, phần đất nền nhà và phần đất phía sau nhà ông T. Đối với phần đất mồ mã, nguồn gốc đất là ông bà cố để lại cho ông bà nội, ông bà nội chết để thì các cô chú bác thống nhất để lại cho cha ông. Phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cha mẹ ông chưa chia cho anh chị em ông.

Trước khi ông C kiện ông T thì anh em ông có ngồi lại bàn, ông có ý kiến chia cho ông C một phần vì ông C đang khổ nhưng ông T không đồng ý nên ông C khởi kiện. Ông không có tranh chấp hay yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này, ông từ chối nhận phần thừa kế nếu được chia, ông thống nhất giao phần ông được hưởng cho ông T quản lý.

***Người làm chứng bà Nguyễn Thị T2, trình bày:*** Phần đất đang tranh chấp giữa ông C và ông T thuộc thửa 370, tờ bản đồ số 5, đất tại xã L B có nguồn gốc là của ông bà nội bà tên Nguyễn Văn N4 và Nguyễn Thị N5 để lại cho cha mẹ bà là Nguyễn Văn L1 và Lê Thị L2 quản lý dùng làm đất hương quả thờ cúng và dùng cho thân tộc có người chết chôn cất. Cha mẹ bà có 10 người con, bà là con út, các anh chị em bà đã chết. Ngày 21/12/1966 âm lịch, ngày giỗ của ông nội bà, lúc này cha bà kêu các con họp mặt, nói phần đất nêu trên là đất hương quả dùng cho thờ cúng, cho thân tộc có người chết chôn cất, cha bà chỉ định phần đất này để lại cho anh ruột bà là ông Nguyễn Văn B (cha của ông C, ông T) được quyền quản lý sử dụng làm đất hương quả. Nay bà xác nhận lời khai của bà hoàn toàn là sự thật, nếu sai bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước

pháp luật và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã xác nhận chữ ký của bà để làm cơ sở chứng cứ nộp cho Tòa án các cấp xem xét.

**Người làm chứng bà Nguyễn Thị E trình bày:** Bà xin xác nhận phần đất đang tranh chấp giữa ông C với ông T đang tranh chấp thuộc thửa 370, tờ bản đồ số 5, đất tại xã L B có nguồn gốc là đất ông bà để lại cho ông nội bà là ông Nguyễn Văn L1. Đến ngày giỗ ông bà, ông nội bà kêu các con cháu họp mặt nói phần đất này là đất hương quả để cho thân tộc dòng họ, con cháu sau này ai quá cố chôn cất. Ông nội bà chỉ định để lại phần đất này cho chú của bà là ông Nguyễn Văn B (cha ông T, ông C) có quyền sử dụng phần đất phủ thờ chôn cất ông bà, cha mẹ, con cháu qua đời. Ngày giỗ ông nội bà, ông Nguyễn Văn B nói đất của ông bà nội để lại làm đất phủ thờ, sau này chú bà có qua đời thì để lại cho con trai út là Nguyễn Văn T có quyền sử dụng đất phủ thờ chôn ông bà từ xưa đến nay y như tục lệ. Nay bà xác nhận lời khai của bà hoàn toàn là sự thật, nếu sai bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã xác nhận chữ ký của bà để làm cơ sở chứng cứ nộp cho Tòa án các cấp xem xét.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C.**

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T phải chia thừa kế cho ông Nguyễn Văn C phần đất diện tích là 457,3 m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 trở về M5 thuộc một phần thửa 335, tờ bản đồ số 5 (tương ứng một phần thửa 370, 1020, tờ bản đồ số 5), đất tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Ông Nguyễn Văn T được thừa kế quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là 1.326.5 m<sup>2</sup>, trong phạm vi các mốc M8, M9, M10, M1, M2, M3, M4, M5 trở về M8 thuộc một phần thửa 335, tờ bản đồ số 5 (tương ứng một phần thửa 370, 1020, tờ bản đồ số 5), đất tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

*Các đương sự được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.*

*(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2023, 23/3/2023, 14/6/2024; Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 17/7/2023, 23/3/2023, 14/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H.)*

**2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu được hưởng thừa kế phần đất có chiều ngang 10m, dài 13,5m, diện tích 135,2m<sup>2</sup>,**

đất thuộc một phần thửa 393, 395 tờ bản đồ số 5, đất tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Tổng cộng là 6.964.000 đồng, ông Nguyễn Văn C tự nguyện chịu, đã tạm ứng trước và chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

4.2. Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí 5.969.000 đồng (Năm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/10/2024 ông Nguyễn Văn T là bị đơn kháng cáo yêu cầu:

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Ngày 17/12/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhận đơn kháng cáo bổ sung của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị P yêu cầu:

- Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST, ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự và đình chỉ giải quyết chia di sản, tài sản thừa kế là vô hiệu.

- Công nhận diện tích 457,3m<sup>2</sup> phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 trở về mốc M5. tại thửa 335, tờ bản đồ số 05 để ông T, bà P đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hương quả dùng thờ cúng.

Ngày 04/11/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự có quyết định kháng nghị số 261/QĐKNPTVKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST, ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh Triệu Trọng Đ đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST, ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Rút quyết định kháng nghị đối với việc để lại lối đi chung vào khu mộ, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chia thừa kế bằng giá trị cho ông C, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T chia thừa kế cho ông C diện tích 457,3m<sup>2</sup> nhưng không xác định thửa 370, thửa 1020 mỗi thửa là bao nhiêu m<sup>2</sup>. Giữ nguyên kháng nghị về diện tích 457,3 m<sup>2</sup> chia cho ông C là không đủ diện tích tách thửa theo quy định tại Điều 4 Quyết định 29/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; đình chỉ một phần kháng nghị số 261/QĐKNPTVKS-DS, ngày 04/11/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự đã rút nêu trên; chấp nhận phần giữ nguyên như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST, ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự là do Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót về đề nghị cơ quan có thẩm quyền để xác định diện tích phân chia cho ông C có được tách thửa hay không. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục và không làm thay đổi quyết định bản án dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn kháng cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự kháng nghị trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 280, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST, ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự và đình chỉ giải quyết chia di sản, tài sản thừa kế là vô hiệu. Công nhận diện tích 457,3m<sup>2</sup> phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 trở về mốc M5. tại thửa 335, tờ bản đồ số 05 để ông T, bà P đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hương quả dùng thờ cúng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà P cho rằng phần đất tranh chấp 2000m<sup>2</sup> thuộc thửa 370, tờ bản đồ số 5, là đất là đất hương quả của ông bà nội bà để lại cho cha bà, cha bà chết để lại cho ông T quản lý. Một phần đất này khoảng 500m<sup>2</sup> là đất mồ mã để chôn cất những người thân tộc chết hoặc xóm giềng không có đất xin đất chôn thì cho chôn, phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn một phần diện tích 1.454 m<sup>2</sup> thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 5, ông T là con út trong nhà nên giao cho ông T quản lý không đồng ý chia theo yêu cầu của ông C. Tuy nhiên tại phiên tòa ông C, ông T, bà P đều thừa nhận đất tranh chấp là đất của ông bà để lại nên xác định đây là di sản của cụ Nguyễn Văn B và cụ Nguyễn Thị N1 (Ni) nên ông C yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Mặt khác, ông C cũng đồng ý để lại khoảng 500m<sup>2</sup> là đất mồ mã để chôn những người thân tộc chết không yêu cầu chia phần đất này nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chia thừa kế cho ông C diện tích 457,3m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 trở về M5 thuộc một phần thửa 335, tờ bản đồ số 5 là có căn cứ. Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông T là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện viện kiểm sát rút một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự như đã nêu trên nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc để lại lời đi chung vào khu mộ, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chia thừa kế bằng giá trị cho ông C, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T chia thừa kế cho ông C diện tích 457,3m<sup>2</sup> nhưng không xác định thửa 370, thửa 1020 mỗi thửa là bao nhiêu m<sup>2</sup>. Đối với

kháng nghị cho rằng diện tích 457,3m<sup>2</sup> chia cho ông C là không đủ diện tích tách thửa theo quy định tại Điều 4 Quyết định 29/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy tại cấp sơ thẩm Tòa án chưa hỏi cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp Tòa án chia thửa kế cho ông Nguyễn Văn C phần đất diện tích là 457,3m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 trở về M5 thuộc một phần thửa 335, tờ bản đồ số 5 (tương ứng một phần thửa 370, 1020, tờ bản đồ số 5), đất tại xã L, huyện H (theo sổ mục kê là đất cây lâu năm) thì cơ quan có thẩm quyền có tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C được hay không. Tại giai đoạn phúc thẩm đã có văn bản hỏi cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan có thẩm quyền công văn số 1603/CNVPĐKĐĐHHN-ĐKCG&TTLT ngày 16/6/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H trả lời “Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện H, tại vị trí đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 335, tờ bản đồ số 5 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023) tương ứng một phần thửa đất số 370, 1020, tờ bản đồ số 5 (bản đồ địa chính chính quy 2001), đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp thuộc quy hoạch đất ở tại nông thôn.

- Thửa đất số 335, tờ bản đồ số 5 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023) tương ứng một phần thửa đất số 370, 1020, tờ bản đồ số 5 (bản đồ địa chính chính quy 2001), đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, theo hồ sơ địa chính đang quản lý chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông Nguyễn Văn C khi có quyết định của Tòa án, được xem xét cấp giấy theo quy định tại Điều 137, Luật Đất đai năm 2024.

- Việc xem xét tách thửa đất theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ chỉ thực hiện khi thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Do đó, trường hợp này ông C vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Công văn số 1603/CNVPĐKĐĐHHN-ĐKCG&TTLT ngày 16/6/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H có sau quyết định kháng nghị. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị phần này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Như nhận định trên xét thấy bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; đình chỉ một phần kháng nghị số 261/QĐKNPTVKS-DS, ngày 04/11/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự đã rút nêu trên; chấp nhận phần giữ nguyên như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST, ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định nên chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T3 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.
2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần quyết định kháng nghị số 261/QĐKNPTVKS-DS ngày 04/11/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự và chấp nhận một phần quyết định kháng nghị nêu trên.
3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải chia thừa kế cho ông Nguyễn Văn C phần đất diện tích là 457,3m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 trở về M5 thuộc một phần thửa 335, tờ bản đồ số 5 (tương ứng một phần thửa 370, 1020, tờ bản đồ số 5), đất tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn T được thừa kế quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là 1.326.5m<sup>2</sup>, trong phạm vi các mốc M8, M9, M10, M1, M2, M3, M4, M5 trở

về M8 thuộc một phần thửa 335, tờ bản đồ số 5 (tương ứng một phần thửa 370, 1020, tờ bản đồ số 5), đất tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

*Các đương sự được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.*

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2023, 23/3/2023, 14/6/2024; Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 17/7/2023, 23/3/2023, 14/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H.)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu được hưởng thừa kế phần đất có chiều ngang 10m, dài 13,5m, diện tích 135,2m<sup>2</sup>, đất thuộc một phần thửa 393, 395 tờ bản đồ số 5, đất tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Tổng cộng là 6.964.000 đồng, ông Nguyễn Văn C tự nguyện chịu, đã tạm ứng trước và chi xong.

#### 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

4.2. Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí 5.969.000 đồng (Năm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014425 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp

không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Phòng TT-KT và THA TAT;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi Cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

**Lê Hồng Nước**